

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 12/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-KDTM ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân N - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Hải Dương (Theo văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Trần Văn M và ông Lê Văn H (Theo Giấy ủy quyền số 328/UQ-BIDV.BHD ngày 29/8/2019). Ông Hiếu có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 và ông Trần Xuân T, sinh năm 1981; HKTT: Khu dân cư N, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Lê Văn Hiếu đại diện trình bày:

Ngày 04/4/2017, Ngân hàng TMCP Đ (BIDV) và vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Xuân T đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8599022/HĐTD; hạn mức cấp tín dụng: 450.000.000đ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vải quần áo, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng hạn mức, cùng ngày các bên đã ký kết Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1 và số 2/2017/8599022/HĐTD, số tiền giải ngân lần lượt là 200.000.000đ và 250.000.000đ; lãi suất vay trong hạn 9,0%/năm cố định đến ngày 01/7/2017 đối với hợp đồng tín dụng cụ thể số 1, đến ngày 24/6/2017 đối với hợp đồng tín dụng cụ thể số 2, sau đó thả nổi được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày đầu tiên của tháng điều chỉnh hoặc được điều chỉnh bất thường theo thông báo của BIDV (*Áp dụng theo công văn số 53/CV-PKH ngày 10/02/2017 về việc triển khai gói tín dụng 15.000 tỉ đồng cho vay SXKD 2017*). Tổng số tiền BIDV đã cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T vay là 450.000.000đ.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 545, tờ bản đồ số 08, diện tích 110m²; địa chỉ: Khu dân cư Nhất sơn, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị L cùng toàn bộ tài sản trên đất, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8599022/HĐBĐ ngày 26/5/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T đã thanh toán một phần lãi, số tiền là 12.254.795đ, chưa thanh toán tiền gốc. Kể từ ngày 17/9/2017 cho đến nay Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà L, ông T vẫn cố tình trì hoãn, không thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Dư nợ của bà L, ông T tính đến hết ngày 23/9/2020 là 639.536.301đ, gồm: Nợ gốc 450.000.000đ; nợ lãi trong hạn 128.379.452đ; nợ lãi quá hạn 61.156.849đ.

Nay BIDV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T phải thanh toán số tiền (tính đến hết ngày 23/9/2020) là 639.536.301đ, gồm: Nợ gốc 450.000.000đ; nợ lãi trong hạn 128.379.452đ; nợ lãi quá hạn 61.156.849đ và phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã nêu. Trường hợp bà L, ông T không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T vắng mặt tại địa

phương, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Trong lời khai người làm chứng - bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Trần Xuân T, mẹ chồng của chị Nguyễn Thị L. Anh T, chị L vắng mặt tại địa phương đã lâu, không có tin tức gì về cho bà; thửa đất của anh T, chị L có nguồn gốc trước đây là của vợ chồng bà. Cách đây đã lâu (*không nhớ rõ thời điểm cụ thể*) vợ chồng bà đã làm thủ tục tách một phần đất cho anh, chị. Anh, chị đã xây nhà, sử dụng ổn định cho đến nay, các bên không có tranh chấp. Việc Tòa án xem xét xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của anh chị để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng BIDV bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 639.536.301đ, gồm: Nợ gốc 450.000.000đ; nợ lãi trong hạn 128.379.452đ; nợ lãi quá hạn 61.156.849đ.

Kể từ ngày 23/9/2020, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ của hợp đồng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T là quyền sử dụng thửa đất số 545, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: Khu dân cư Nhất sơn, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cùng toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký giữa các bên. Hiện bà L, ông T thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung; bà L, ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T có HKTT tại khu dân cư Nhất Sơn, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phải trả số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8599022/HĐTD; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1/2017/8599022/HĐTD và số 2/2017/8599022/HĐTD đều được lập ngày 04/4/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8599022/HĐBĐ ngày 26/5/2016, công chứng số 2170/2016, quyền số 03/2016TP/CC-SCC/HĐGD, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[3] Về nội dung tranh chấp: Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L, ông T tổng số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) thông qua Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1 và 2 ngày 04/4/2017. Bà L, ông T đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả lãi đến ngày 17/9/2017 thì vi phạm nghĩa vụ. Sau nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng bị đơn không hợp tác nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án theo Điều 5 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8599022/HĐTD ngày 04/4/2017 là có căn cứ.

Về số tiền gốc chưa thanh toán: Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T vay là 450.000.000đ (*Bốn trăm*

năm mươi triệu đồng). Bà L, ông T đã trả 12.254.795đ tiền lãi, chưa trả được nợ gốc. Vì vậy, số tiền gốc chưa thanh toán là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Về số tiền lãi chưa thanh toán: Tính đến hết ngày 23/9/2020 số tiền lãi chưa thanh toán là: 189.536.301đ. Trong đó, nợ lãi trong hạn: 128.379.452đ; nợ lãi quá hạn 61.156.849đ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng thửa đất số 545, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: Khu dân cư Nhất sơn, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cùng tài sản trên đất là tài sản hợp pháp của bà L, ông T, không có tranh chấp. Vì vậy, trường hợp bà L, ông T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[4] Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 280, 299, 317, 318, 320, 342, 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016;
- Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền (*đã làm tròn*) **639.536.300đ** (*Sáu trăm ba mươi chín triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm đồng*) tính đến hết ngày 23/9/2020. Gồm: Nợ gốc: 450.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 128.379.452đ; nợ lãi quá hạn: 61.156.849đ.

Kể từ ngày 24/9/2020, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T phải chịu tiền lãi phát sinh của nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có

quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 545, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: Khu dân cư Nhất sơn, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị L cùng toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T phải chịu 29.581.500đ (đã làm tròn) (*Hai mươi chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) theo Biên lai thu số AA/2017/0008152 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huấn